

B. ANSWER KEY

Question 1.

- Achievement /ə'tʃi:v.mənt/ (n): thành tích, thành quả.
- Chemist /'kem.ɪst/ (n): nhà hóa học, dược sĩ.
- Chance /tʃɑ:ns/ (n): cơ hội.
- Cheerful /'tʃiə.fəl/ (adj): vui vẻ.

⇒ **Đáp án B** (“ch” được phát âm là /k/; các từ còn lại là /tʃ/)

Question 2.

- Watch /wɒtʃ/ (v): xem.
- Stop /stɒp/ (v): ngừng, dừng lại.
- Clean /kli:n/ (v): lau chùi.
- Work /wɜ:k/ (v): làm việc.

❖ **Note:** Quy tắc phát âm đuôi “ed” sau các động từ có quy tắc:

- TH1: phát âm là /ɪd/: Khi động từ có tận cùng là phụ âm /t/ hoặc /d/

E.g: wanted / wɒntɪd /; needed / ni:ɪd /

- TH2: phát âm là /t/: Khi động từ tận cùng bằng phụ âm vô thanh /p/, /f/, /k/, /s/, /ʃ/, /tʃ/

E.g: stopped / stɒpt /; laughed / lɑ:ft /; cooked / kʊkt /; watched / wɒtʃt /

-TH3: phát âm là /d/: Khi động từ tận cùng là các nguyên âm và các phụ âm còn lại

E.g: played / pleɪd /; opened / əʊpənd /

⇒ **Đáp án C** (“ed” được phát âm là /d/; các từ còn lại là /t/)

Question 3.

- Problem /'prɒb.ləm/ (n): vấn đề.
- Love /lʌv/ (v): yêu.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu
Hotline: 0902196677

-Box /bɒks/ (n): hộp.

-Hobby /'hɒb.i/ (n): sở thích.

⇒ **Đáp án B** (“o” được phát âm là /ʌ/; các từ còn lại là /ɒ/)

Question 4.

Tom: “Hôm nay cậu có thể nấu ăn được không?”

A. Vâng, cảm ơn. (chấp nhận một lời đề nghị như mời ăn uống)

B.Ồ, dĩ nhiên là được rồi.

C. Không, cảm ơn. (từ chối một lời đề nghị như mời ăn uống)

D. Tôi biết điều đó.

⇒ **Đáp án B**

Question 5.

- However: tuy nhiên.

- Therefore: vì vậy.

- Although: mặc dù.

- Because: bởi vì.

“Jane rất xinh đẹp và giàu có. Tuy nhiên, cô ấy rất thân thiện.”

⇒ **Đáp án A**

Question 6.

Cấu trúc:

S+ have/ has + PP ... + since + S +V₂/ed... (động từ sau “since” được chia ở thì QKĐ)

⇒ **Đáp án B** (Họ đã không gặp Jill từ khi cô ấy ra trường.)

Question 7.

- At + giờ.

- On + ngày.

⇒ **Đáp án A** (Tôi đã nghe bản tin đó vào 9 giờ tối chủ nhật.)

Question 8.

Fanpage : <https://www.facebook.com/luenthiamax>

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Hotline: 0902196677

Mệnh đề phía trước có *nobody* mang nghĩa phủ định nên phần hỏi đuôi ở thể khẳng định => loại C.

Câu này ở thì quá khứ đơn => loại A, B.

Chúng ta dùng đại từ *they* ở phần hỏi đuôi nếu chủ ngữ ở phía trước là “*no one/nobody*”.

⇒ **Đáp án D**

Question 9.

-Excited /ɪk'saɪ.tɪd/ (adj): hào hứng, hứng thú.

-Exciting /ɪk'saɪ.tɪŋ/ (adj): hào hứng, thú vị.

-Excitement /ɪk'saɪ.t.mənt/ (n): sự hào hứng, hứng thú.

❖ Sự khác nhau giữa tính từ tận cùng là “ed” và “ing”:

- Tính từ có đuôi *ed* dùng để miêu tả ai đó cảm thấy như thế nào. (Tức là miêu tả cảm xúc của ai đó)

E.g: I am bored. (Tôi cảm thấy buồn chán.)

-Tính từ có đuôi *ing* dùng để miêu tả ai, cái gì mang lại cảm giác như thế nào cho đối tượng khác. (Tức là bản chất, tính chất của sự vật, sự việc)

E.g: This film is boring. (Bộ phim này nhàm chán.)

⇒ **Đáp án C (Bọn trẻ cảm thấy hào hứng khi mẹ của chúng về nhà.)**

Question 10.

Cấu trúc: *If + S + V2/ed hoặc were +..., S + would + V bare-inf + ...* (câu điều kiện loại 2)

Câu điều kiện loại 2 diễn tả sự việc trái với thực tế ở hiện tại.

Trong câu này, mệnh đề *if* ở thì quá khứ đơn => động từ ở mệnh đề chính có dạng *would + V(bare-inf)*.

⇒ **Đáp án A (Anh tôi sẽ mua một chiếc ô tô đắt tiền nếu anh ấy giàu.)**

Question 11.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Hotline: 0902196677

Trong câu này, chúng ta thấy có trạng từ thời gian *at the moment* nên động từ được chia ở thì hiện tại tiếp diễn => loại C, D.

Câu này mang nghĩa bị động => loại A.

Cấu trúc: S + is/am/are + V-ing + O (chủ động) => S (O) + is/am/are + being + pp + by (O) (bị động)

⇒ **Đáp án B**

Question 12.

Cấu trúc:

- S + advise + O + (not) + to V(inf) + r...:khuyến ai đó (không)làm gì.

E.g: My mother advises me to go home early. (Mẹ tôi khuyên tôi về nhà sớm.)

-Suggest + V-ing: gợi ý/ đề nghị làm gì.

-Insist + that + mệnh đề/ Insist on + V-ing: khẳng khẳng

-Force + O + to V (inf): bắt buộc ai đó làm gì.

⇒ **Đáp án A (Bác sĩ khuyên tôi không thức khuya.)**

Question 13.

-So + to be/ trợ động từ + S: dùng sau một phát biểu khẳng định.

E.g: He likes going swimming and so do I./ He likes going swimming and I do, too. (Anh ấy thích đi bơi vì tôi cũng vậy.)

- Neither + to be/ trợ động từ + S: dùng sau một phát biểu phủ định.

E.g: He doesn't like going swimming and neither do I./ He doesn't like going swimming and I don't, either. (Anh ấy không thích đi bơi và tôi cũng không thích.)

➤ Too và Either đứng ở cuối câu.

⇒ **Đáp án D (John không thích hút thuốc và anh trai cậu ấy cũng không thích.)**

Question 14.

Because of + N/V-ing: bởi vì.

Fanpage : <https://www.facebook.com/luventhiamax>

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu
Hotline: 0902196677

Because + mệnh đề: bởi vì.

she worked hard là một mệnh đề nên không thể dùng *because of*.

Dịch: Bởi vì cô ấy đã làm việc vất vả nên cô ấy cảm thấy kiệt sức.

⇒ **Đáp án A (Because of => Because)**

Question 15.

Which: là đại từ quan hệ, thay thế cho danh từ chỉ vật, làm chức năng chủ ngữ hoặc tân ngữ trong mệnh đề quan hệ.

E.g:

- She bought a shirt. It is very nice. => She bought a shirt which is very nice.
(thay thế cho chủ ngữ "it")

- She is wearing a blue shirt. She bought it yesterday. => She is wearing a blue shirt which she bought yesterday. (thay thế cho tân ngữ "it")

Trong câu này, *which* thay thế cho tân ngữ *it*, tức là *the book* nên ta bỏ *it*

⇒ **Đáp án D (read it => read)**

Question 16.

Cấu trúc:

S + wish (es) + S + V past... (mong ước không có thật ở hiện tại).

Trong câu này, động từ khuyết thiếu *can* phải ở dạng quá khứ.

⇒ **Đáp án B (can => could)**

Question 17.

- so: vì vậy, cho nên.

-but: nhưng.

-and: và.

-because: bởi vì.

"Newspapers, magazines, and books are the print media." (Báo, tạp chí và sách là phương tiện truyền thông bằng báo chí in.)

⇒ **Đáp án C**

Question 18.

- main (adj): chính.
- kind (adj): tử tế, tốt bụng.
- happy (adj): vui vẻ, hạnh phúc.
- hard (adj): chăm chỉ, vất vả.

“Newspapers are one of the main sources for spreading news and events” (Báo là một trong những nguồn chính để truyền tải tin tức và sự kiện)

⇒ **Đáp án A**

Question 19.

- throughout the world: khắp thế giới ~ all over the world ~ in the world.

⇒ **Đáp án B**

Question 20.

- right (adj): đúng.
- interested (adj): hứng thú.
- expensive (adj): đắt.
- popular (adj): phổ biến, nổi tiếng.

“Motion pictures are one of the most popular forms of entertainment” (Phim điện ảnh là một trong những hình thức giải trí phổ biến nhất).

⇒ **Đáp án D**

Question 21.

- also: cũng (+ V).
- too: cũng vậy (thường đứng cuối câu).
- another + N số ít: một cái... khác, một cái ...nữa.
- other + N số nhiều: những cái...khác.

“Movies can also teach people many other subjects.” (Phim cũng có thể dạy cho con người nhiều vấn đề khác)

⇒ **Đáp án C**

Question 22.

-give (v): đưa cho, trao tặng.

+ give sb sth ~ give sth to sb: đưa cho ai cái gì.

-help (v): giúp đỡ.

+ help sb do sth/ help sb to do sth: giúp ai làm gì.

-ask (v): hỏi, yêu cầu.

+ ask sb to do sth: yêu cầu ai làm gì.

-say (v): nói

+ say sth to sb: nói điều gì với ai

“The multimedia computer helps students learn about a particular topic”. (Máy tính đa phương tiện giúp học sinh học về một chủ đề nào đó)

⇒ **Đáp án B**

Question 23.

-difference (n): sự khác nhau.

-change (n): sự thay đổi.

- kind (n): loại.

A variety of + N số nhiều: nhiều thứ/ kiểu.. ..trong cùng một loại.

“The multimedia computer helps students learn about a particular topic in a variety of ways” (Máy tính đa phương tiện giúp học sinh học về một chủ đề nào đó bằng nhiều cách.)

⇒ **Đáp án A**

Question 24.

-exactly (adv): chính xác

- correctly (adv): đúng, chính xác

- secretly (adv): bí mật

- quickly (adv): nhanh chóng

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu
Hotline: 0902196677

“When we use the Internet, we can give and get a lot of information very quickly” (Khi chúng ta sử dụng Internet, chúng ta có thể cho và nhận nhiều thông tin rất nhanh chóng.)

⇒ **Đáp án D**

Question 25.

-different (adj): khác nhau, khác biệt

- difference (n): sự khác biệt, sự khác nhau

To be + adv + adj (sau trạng từ “very” cần một tính từ)

Dịch: Bạn rất khác anh bạn.

⇒ **Đáp án: different**

Question 26.

-improve (v): cải thiện

-improvement (n): sự cải thiện

Sau “will” là một động từ nguyên thể

Dịch: Tôi hi vọng tôi sẽ cải thiện được tiếng Pháp của mình khi sang Pháp.

⇒ **Đáp án: improve**

Question 27

- educate (v): giáo dục

-education (n): sự giáo dục, nền giáo dục

Dịch: Anh ấy hoàn thành giáo dục chính quy vào năm 2015.

⇒ **Đáp án: education**

Question 28.

-effective (adj): hiệu quả

-effectively (adv): một cách hiệu quả

Dịch: Internet đã giúp học sinh học tập hiệu quả hơn.

⇒ **Đáp án: effectively**

Question 29.

Fanpage : <https://www.facebook.com/luenthiamax>

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Hotline: 0902196677

Dẫn chứng: “NYLON was invented in the early 1930s by an American chemist, Julian Hill.” (Ni - lông đã được phát minh vào đầu thập niên 1930 bởi một nhà hóa học người Mỹ Julian Hill.)

⇒ **Đáp án: TRUE**

Question 30.

Dẫn chứng: “It was cheap and strong ...” (Nó thì rẻ và bền)

⇒ **Đáp án: FALSE**

Question 31.

Dẫn chứng: “Nylon is found in many things carpets, ropes, seat belts, furniture, computers, and even spare parts of the human body.”

⇒ **Đáp án: TRUE**

Question 32.

Dẫn chứng: It has played an important part in our lives up to now. (Nó đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống của chúng ta cho đến bây giờ.)

⇒ **Đáp án: TRUE**

Question 33.

A new car *will be bought (by us)*.

Cấu trúc:

Chủ động: S + will + V(bare-inf) + O.

Bị động: S (O) + will + be + PP + by O (S).

Question 34.

She said (that) *she liked to do the quiz very much*.

Cấu trúc: S + said + (that) S + V(lùi thì) + (gián tiếp)

Trong câu này, thì hiện tại đơn (trực tiếp) => quá khứ đơn (gián tiếp); I => she.

Question 35.

It was such an excellent show that we all enjoyed it.

Cấu trúc: It + be + such + (a/an) + adj + N + that + mệnh đề: quá ... đến nỗi mà

Fanpage : <https://www.facebook.com/luenthiamax>

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu
Hotline: 0902196677

Dịch: Đó là một cuộc biểu diễn tuyệt vời đến nỗi mà tất cả chúng tôi đều thích nó.

Question 36.

Tom spends *3 hours doing his homework every day.*

Cấu trúc: It takes + O + time + to V (inf)... ~ S + spend(s) + time + V-ing ... (Ai đó mất bao nhiêu thời gian để làm gì)

Dịch: Mỗi ngày Tom mất 3 tiếng đồng hồ làm bài tập về nhà.